HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **08** /2023/NQ-HĐND	*Cần Thơ, ngày 08 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Quy định một số mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 246/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định một số mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; Công văn số 4974/UBND-NC ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định một số mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định một số mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo khoản 2 Điều 4 Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

b) Các nội dung, mức chi khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Sở Tư pháp;

b) Phòng Tư pháp;

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chỉ đạo, yêu cầu, kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền;

d) Các cơ quan, tổ chức liên quan đến việc việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 2. Mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (*Chi tiết theo phụ lục đính kèm).*

2. Mức chi cho công tác tự kiểm tra văn bản theo quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều 111 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và rà soát văn bản khi phát sinh căn cứ rà soát theo quy định tại Điều 142 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP do thủ trưởng cơ quan quyết định áp dụng mức chi tại Phụ lục kèm Nghị quyết này.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện mức chi quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được đảm bảo từ nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

2. Kinh phí thực hiện mức chi quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được sử dụng từ nguồn kinh phí chi hoạt động thường xuyên của cơ quan thực hiện việc tự kiểm tra, rà soát văn bản.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2023.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 20/2014/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa X, kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Bộ Tài chính;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Website Chính phủ;
- TT. Công báo, Trung tâm lưu trữ lịch sử;
- Báo Cần Thơ, Đài PT và TH TP. Cần Thơ;
- Lưu: VP,HĐ,250.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Phạm Văn Hiểu

Phụ lục

MỘT SỐ MỨC CHI ĐẢM BẢO CHO CÔNG TÁC KIỂM TRA, XỬ LÝ, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.					
a	Chủ trì cuộc họp	Người/buổi	150.000	120.000	100.000	
b	Các thành viên tham dự	Người/buổi	100.000	80.000	60.000	
2	Chi lấy ý kiến chuyên gia	01 văn bản	1.500.000	1.200.000	900.000	
3	Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản					
a	Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản theo chuyên đề, địa bàn, ngành, lĩnh vực; báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản; báo cáo					

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	
	Thủ tướng Chính phủ định kỳ hằng năm hoặc báo cáo đột xuất về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản (bao gồm cả báo cáo tổng hợp và báo cáo của địa phương, đơn vị), cụ thể:					
	- Báo cáo tổng hợp trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc cơ quan, người có thẩm quyền khác ở trung ương (khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do trung ương ban hành).	01 báo cáo	12.000.000			Báo cáo tổng hợp tình hình, kết quả của nhiều cơ quan
	- Báo cáo của Ủy ban nhân dân.	01 báo cáo	7.000.000	3.000.000	1.500.000	
	- Báo cáo kết quả của sở, ban, ngành thành phố; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân dân thành phố quyết định thành lập.	01 báo cáo	3.000.000			
	- Báo cáo của các phòng, ban, ngành cấp huyện; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập.	01 báo cáo		1.500.000		

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	
b	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.	01 báo cáo	400.000	320.000	240.000	
4	Chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo (trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp).	01 báo cáo	900.000	720.000	540.000	Tính 01 lần chỉnh lý
5	Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng.		Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp			
6	Chi kiểm tra văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.					
a	Trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật.	01 văn bản	250.000	200.000		
b	Trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật.	01 văn bản	500.000	400.000		
7	Chi rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm) đối	01 văn bản	200.000	160.000	120.000	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	
	với văn bản của địa phương.					
8	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản.	01 văn bản	300.000	240.000	180.000	
9	Chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản đối với văn bản của địa phương.	01 văn bản	250.000	200.000	150.000	
10	Chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.	01 văn bản	150.000	100.000		
11	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản.					
a	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản để cập nhật, lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra văn bản; rà soát, hệ thống hóa văn bản.	01 văn bản	150.000	100.000	50.000	
b	Chi tổ chức, thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí…phục vụ xây dựng cơ sở dữ					

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	
	liệu kiểm tra rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.					
	- Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí.	01 tài liệu (01 văn bản)	Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp			
	- Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn	01 tài liệu (01 văn bản)	70.000	56.000	42.000	Khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo
12	Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản		Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp			Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	
13	Đối với các khoản chi khác: Làm đêm, làm thêm giờ, chi văn phòng phẩm,…		Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp			theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí